TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 130/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 19 - 12 - 2017.
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Việt Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Hữu Đoàn;

2. Ông Nguyễn Hải Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Giang Nam, thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 19 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 332/2017/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2017 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 245/2017/QĐXX-ST ngày 14 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Nguyễn Xuân L, sinh năm: 1983 (có mặt).

- *Bị đơn:* anh Trần Trung K, sinh năm: 1980 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp 7, xã Khánh Tiến, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

(Anh K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 14/12/2017).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Xuân L trình bày: Được sự đồng ý của cha mẹ hai bên vào năm 2002, chị và anh Trần Trung K tự nguyện chung sống với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ, chồng không được hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, bất đồng ý kiến trong việc tính toán làm ăn và trong sinh hoạt hàng ngày. Anh K không có trách nhiệm với gia đình, đi làm không đưa tiền về nuôi con và không quan tâm gia đình. Từ đó vợ chồng nảy sinh cự cãi.

Từ những lý do trên chị thấy cuộc sống chung giữa chị với anh K không mang lại hạnh phúc cho nhau, nên yêu cầu xin được ly hôn với anh K.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Trần Phúc Kh, sinh năm 2003 và Trần Bảo Kh, sinh năm 2008, hiện do anh K nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, các con có nguyện vọng ở với anh K, chị đồng ý giao các con chung cho anh K nuôi dưỡng. Chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án phân chia.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên hòa giải ngày 14 tháng 12 năm 2017 bị đơn anh Trần Trung K trình bày: Thời gian kết hôn và và mâu thuẫn đúng như chị L trình bày. Nay chị L xin ly hôn anh đồng ý ly hôn. Việc đồng ý ly hôn của anh là tự nguyện không ai ép buộc. Lý do ly hôn là do mâu thuẫn vợ chồng.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Trần Phúc Kh, sinh năm 2003 và Trần Bảo Kh, sinh năm 2008. Sau khi ly hôn, các con có nguyện vọng ở với anh, anh đồng ý nuôi các con, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu phân chia.

Về nợ chung: Không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: anh K có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 14/12/2017, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh K theo quy định tại khoản 1 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Chị L và anh K tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2002 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, chị L yêu cầu được ly hôn với anh K, tại phiên hòa giải do Tòa án tiến hành anh K cũng đồng ý ly hôn. Do chị L và anh K không đăng ký kết hôn nên căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận chị L với anh K là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị L và anh K có 02 người con chung tên Trần Phúc Kh, sinh năm 2003 và Trần Bảo Kh, sinh năm 2008. Xét thấy các con có nguyện vọng ở với anh K, chị L đồng ý giao các con cho anh K nuôi dưỡng, anh K đồng ý nuôi dưỡng hai con chung, chị L không cấp dưỡng nuôi con, do đó giao con chung tên Trần Phúc Kh, sinh năm 2003 và Trần Bảo Kh, sinh năm: 2008 cho anh Trần Trung K nuôi dưỡng, chị L không cấp dưỡng nuôi con.

Chị L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai có quyền cản trở.

[4] Về tài sản chung: không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Nợ chung: không có.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không công nhận chị Nguyễn Xuân L và anh Trần Trung K là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Phúc Kh, sinh năm 2003 và Trần Bảo Kh, sinh năm: 2008 cho anh Trần Trung K nuôi dưỡng, chị L không cấp dưỡng nuôi con.

Chị L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai có quyền cản trở.

- Tài sản chung: không yêu cầu nên không xem xét.

- Nợ chung: không có.

3. Án phí dân sự sơ thẩm chị L phải chịu 300.000 đồng, chị L đã nộp tạm ứng án phí với số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền số 0011709 ngày 28 tháng 11 năm 2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh được chuyển thu án phí khi án có hiệu lực pháp luật.

4. Chị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh K vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qu y định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự ;*
- *TAND tỉnh Cà Mau;*
- *VKSND huyện U Minh, tỉnh Cà Mau;*
- *Chi cục Thi hành án DS huyện U Minh, tỉnh Cà Mau;*
- *Lưu:Hồ sơ, văn thư.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Huỳnh Việt Hằng